

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thuận

2. Bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, đường Mỹ S, khối , phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 37, dãy 3, ngõ 1**, đường Tông Đ, phường Hoàng Văn T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vy Đức G; sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 2, đường Mỹ S, khối , phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh Vy Đức G đăng ký kết hôn tự nguyện năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chung sống cùng bố mẹ chồng tại số nhà 2*, đường Mỹ S, khối *, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh Vy Đức G ham chơi, không tu chí làm

ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 3/2016, chị đã đưa 02 con về sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại số nhà 3*, dãy 3, ngõ 1**, đường T, phường H, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Vy Đức G không thay đổi, vẫn ham chơi và không có trách nhiệm với các con. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Vy Đức G, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vy Đức G. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vy Bảo Y, sinh ngày 26/12/2008 và cháu Vy Bảo P, sinh ngày 09/11/2014. Hai con đang sinh sống cùng chị ở nhà bố mẹ đẻ của chị tại địa chỉ số nhà 3*, dãy 3, ngõ 1**, đường T, phường H, thành phố Lạng S. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Vy Đức G cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 2.000.000 đồng/tháng, quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi yêu cầu cấp dưỡng mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, nhưng nay chị không yêu cầu anh Vy Đức G phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Vy Đức G không có việc làm, không có thu nhập. Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Vy Đức G tại địa chỉ số 22, đường Mỹ S, khối *, phường Vĩnh T thành phố Lạng S. Bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ của anh Vy Đức G nhận thay các văn bản tố tụng do anh Vy Đức G không thường xuyên ở nhà. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Anh Vy Đức G đều vắng mặt theo Giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không trình bày ý kiến.

Cháu Vy Bảo Y, sinh ngày 26/12/2008 là con chung của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vy Đức G trình bày: Bố mẹ cháu không chung sống với nhau đã 04 - 05 năm nay. Hiện nay bố cháu sống tại số nhà 2*, đường Mỹ S, khối *, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, còn cháu với mẹ và em sống cùng ông bà ngoại ở Số 37, dãy 3, ngõ 1**, đường Tông Đ, phường Hoàng Văn T, thành phố Lạng S. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vy Đức G:

Bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ của anh Vy Đức G trình bày: Năm 2008 vợ chồng anh Vy Đức G, Chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn và sinh sống cùng bà tại địa chỉ số nhà 2*, đường Mỹ S, khối *, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng có mâu thuẫn do anh Vy Đức G ham chơi, không tu chí làm ăn. Do đó, Chị Nguyễn Thị Thu T đã đưa hai con về bên nhà ngoại ở từ đó đến nay, thi thoảng gửi 02 cháu cho bà trông giúp vào ban ngày, tối lại đón về nhà ngoại ở. Anh Vy Đức G thường xuyên vắng nhà vài ngày mới về qua nhà một lát rồi lại đi, đi đâu, ở đâu, làm gì bà không rõ. Các các văn bản tố tụng của Tòa án gửi đến bà đều đã đưa lại cho anh Vy Đức G. Việc ly hôn do vợ chồng anh Vy Đức G quyết định bà không can thiệp, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 21/7/2021 tại khối *, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S thể hiện: Vợ chồng anh Vy Đức G và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn năm

2008 và chung sống cùng bà Hoàng Thị T tại số nhà 2*, đường Mỹ S, khối *, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S. Quá trình chung sống khối không nhận được tin báo gì về việc vợ chồng có xô xát, chỉ nắm được thông tin từ năm 2016 đến nay vợ chồng đã ly thân, Chị Nguyễn Thị Thu T đã đưa 02 con về bên ngoại, không còn sinh sống tại địa chỉ Số 2, đường Mỹ S, khối , phường Vĩnh T, thành phố Lạng S.

Biên bản xác minh ngày 13/8/2021 tại Công an phường Vĩnh T, thành phố Lạng S thể hiện: Anh Vy Đức G sinh năm 1984, đăng ký thường trú tại số nhà 2*, đường Mỹ S, khối *, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S. Anh Vy Đức G không thường xuyên ở nhà, hàng ngày chỉ về qua nhà một lát rồi lại đi, không khai báo tạm trú, tạm vắng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần Hội đồng xét xử hợp pháp. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn rút yêu cầu; về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Vy Đức G; về con chung: Giao 02 con chung là cháu Vy Bảo Y, sinh ngày 26/12/2008 và cháu Vy Bảo P, sinh ngày 09/11/2014 cho Chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Vy Đức G không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung đều không có nên không xem xét; về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Vy Đức G và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh Vy Đức G đều vắng mặt theo Giấy triệu tập và Thông báo của Tòa án, không rõ lý do và không trình bày ý kiến, vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn anh Vy Đức G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vy Đức G kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống từ năm 2016 vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Vy Đức G ham chơi, không tu chí làm ăn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2016 đến nay. Như vậy, Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vy Đức G thực tế đã không sống chung với nhau trong thời gian dài, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vy Đức G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị Nguyễn Thị Thu T xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vy Đức G có 02 con chung là cháu Vy Bảo Y, sinh ngày 26/12/2008 và cháu Vy Bảo P, sinh ngày 09/11/2014. Khi ly hôn, Chị Nguyễn Thị Thu T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Xét thấy, cháu Vy Bảo Y và cháu Vy Bảo P từ trước đến nay vẫn sống với chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T có việc làm ổn định, thu nhập hơn 7.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Còn anh Vy Đức G không thường xuyên ở nhà, đi đâu, làm gì không rõ. Do vậy, cần giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng đúng với nguyện vọng của cháu Vy Bảo Y. Anh Vy Đức G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu anh Vy Đức G phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu T thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con là mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa Chị Nguyễn Thị Thu T rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu anh Vy Đức G phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Vy Đức G không có việc làm, không có thu nhập. Xét thấy, việc Chị Nguyễn Thị Thu T rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vy Đức G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung đều không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí, chị Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn với anh Vy Đức G.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 119, đăng ký kết hôn ngày 01/12/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vy Bảo Y, sinh ngày 26/12/2008 và Vy Bảo P, sinh ngày 09/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vy Đức G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu anh Vy Đức G cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vy Đức G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0002781 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Vy Đức G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- UBND phường Vĩnh T, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THA- DS TP. Lạng Sơn;
- Đường sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên